TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 313/2025/DS-PT
Ngày 15 - 9 - 2025
V/v *"Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy văn bản công chứng"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Ông Nguyễn Đắc Minh
Các Thẩm phán:	Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú
	Ông Dương Anh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Đăng R - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: MERGEFIELD "Số_thụ_lý__ngày" 444/2025/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 *"Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy văn bản công chứng"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 677/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 684/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Quan Trọng C, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C, đường Ô, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số C, đường Ô, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Số C, đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số C, đường L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh);

Địa chỉ liên lạc: Số B, đường L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số B, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn*: Bà Quan Lệ T, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Số B, đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số B, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Quan Lễ T1, sinh năm 1956 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: F M N, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Số C, đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số C, đường L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bà Quan N, sinh năm 1957 (chết năm 2022);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Quan N:

2.1. Ông Quan Lễ T1, sinh năm 1956 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: F M N, USA.

2.2. Ông Quan Trọng T2, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: Số B, đường L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số B, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Hiện nay cư trú tại Hoa Kỳ, không rõ địa chỉ.

2.3. Bà Quan Lệ T, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Số B, đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số B, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.4. Bà Quan Lệ B, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Số B, đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số B, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.5. Bà Quan Lệ H, sinh năm 1970 (có mặt);

2.6. Bà Quan Lệ N1, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số B, đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số B, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.7. Ông Quan Trọng C, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C, đường Ô, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số C, đường Ô, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Ông Quan Trọng T2, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: Số B, đường L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số B, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Hiện nay cư trú tại Hoa Kỳ, không rõ địa chỉ.

4. Bà Quan Lệ B, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Số B, đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số B, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Bà Quan Lệ H, sinh năm 1970 (có mặt);

6. Bà Quan Lệ N1, sinh năm 1975 (vắng mặt);

7. Trẻ Thái Hạnh N2, sinh năm 2012 có người đại diện theo pháp luật: Bà Quan Lệ H (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số B, đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số B, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

8. Bà Hồng Lỳ S, sinh năm 1959 (xin vắng mặt);

9. Bà Hồng Mỹ Y, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số G, đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số G, đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

10. Bà Hồng Mỹ L1, sinh năm 1979 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: N.740, Jalan Pasir P, Kampong Baru P, 31650 I, Malaysia.

11. Bà Hồng Mỹ P, sinh năm 1982 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: H W, C, QLD D, Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồng Mỹ Y, bà Hồng Mỹ L1, bà Hồng Mỹ P: Bà Hồng Lỳ S, sinh năm 1959 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số G, đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số G, đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

12. Ông Hồng Chí K, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Nơi cư trú cuối cùng: Số G, đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số G, đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

13. Anh Lý Chí D, sinh năm 2003 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, đường P, Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số A, đường P, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh).

14. Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Huỳnh Phương V, sinh năm 1991 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số I - I, đường N, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số I - 96, đường N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lý Tô N3, sinh năm 1959 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số D, đường N, Phường F, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: : Số D, đường N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh);

Địa chỉ liên hệ: Số B, đường T, Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số B, đường T, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Ông Lưu An L2, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số H, đường H, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số H, đường H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Công chứng viên Nguyễn Công T3, sinh năm 1952 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: Số A N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người kháng cáo:* Bà Quan Lệ T là bị đơn, bà Quan Lệ H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Quan Trọng C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu L trình bày:

Vào năm 1975, cha ông là ông Quan Quốc L3 mua lại căn nhà tại số B L, Phường A, Quận A của ông Nguyễn Văn N4 với chiều ngang 3,5m x chiều dài 8m theo xác nhận số 427/Q11 của Ủy ban nhân dân Quận A, thuận cho việc mua bán ngày 04/3/1976 và đã trước bạ ngày 29/6/1983. Sau đó, gia đình ông sinh sống ổn định trong căn nhà này từ đó cho đến năm 1995 cha ông là ông Quan Quốc L3 chết do bệnh già. Sau đó đã có mâu thuẫn trong gia đình nhưng chưa phát sinh tranh chấp như hiện nay.

Vào năm 2002, khi còn sống mẹ ông là bà Lý M có lập Di chúc số 015098 quyển số 5 do Phòng C3 lập ngày 09/5/2002, với nội dung di chúc là để lại phần sở hữu của bà và phần thừa kế mà bà được hưởng trong căn nhà tại địa chỉ số B L, Phường A, Quận A cho ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1. Năm 2010, bà Lý M mất, mãi đến nay ông đã nhiều lần yêu cầu bà T và các đồng thừa kế còn lại tiến hành lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để xin sửa chữa lại nhà và sau đó chia thừa kế. Nhưng bà T kịch liệt phản đối, cố ý chiếm giữ bản chính giấy tờ nhà, lôi kéo, xúi giục cả đồng thừa kế bà Quan Lệ B, Quan Lệ H gây ra mâu thuẫn, chia rẽ gia đình và hơn nữa là muốn chiếm đoạt tài sản của các đồng thừa kế.

Nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Quan Quốc L3 và bà Lý M. Ngày 04/3/1995, ông Quan Quốc L3 chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Quan Quốc L3 gồm: Bà Lý M và 09 người con gồm: Ông Quan Lễ T1, bà Quan N, ông Quan Trọng C1, bà Quan Lệ T, ông Quan Trọng T2, bà Quan Lệ B, bà Quan Lệ H, ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1. Cha mẹ của ông Quan Quốc L3 không rõ họ tên và đã chết trước ông L3. Ông L3 không có con riêng, không có con nuôi và không để lại nghĩa vụ tài sản đối với ai.

Ngày 02/9/2010, bà Lý M chết có để lại di chúc phần sở hữu của bà và phần bà được hưởng thừa kế từ chồng là ông Quan Quốc L3 trong nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1 theo Tờ di chúc lập ngày 09/5/2002 tại Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 015098, quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Lý M gồm có 09 người con là: Ông Quan Lễ T1, bà Quan N, ông Quan Trọng C1, bà Quan Lệ T, ông Quan Trọng T2, bà Quan Lệ B, bà Quan Lệ H, ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1. Cha mẹ của bà Lý M không rõ họ tên và đã chết trước bà Lý M. Bà Lý M không có con riêng, không có con nuôi và không để lại nghĩa vụ tài sản đối với ai. Ông Quan Trọng C1 chết năm 2009 (chết trước bà M). Ông C1 có vợ là bà Hồng Lỳ S và 04 người con gồm: Hồ N (sinh năm 1979), Hồng Mỹ P (sinh năm 1982), Hồng Chí K (sinh năm 1986) và Hồng Mỹ Y (sinh năm 1988).

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Quan Quốc L3 theo quy định của pháp luật và chia di sản thừa kế theo di chúc di sản của bà Lý M. Nguyên đơn xin được nhận kỷ phần bằng giá trị. Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu chia thừa kế phần diện tích nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Trung tâm Đ bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập và phát hành ngày 03/6/2022.

Đối với phần diện tích thông hành địa dịch mà bị đơn cho rằng đang bị nhà số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh chiếm dụng, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nguyên đơn cũng không có ý kiến. Sau này các đồng thừa kế của ông Quan Quốc L3 và bà Lý M sẽ khởi kiện phần đất bị lấn chiếm này để tranh chấp quyền sử dụng đất trong một vụ án khác. Hiện nay nguyên đơn cũng không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án về việc nhà đất tranh chấp có một phần đang bị nhà bên cạnh lấn chiếm như trình bày nói trên.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các chi phí như tiền thuốc, viện phí, tang lễ, đám tang, mộ phần, đám giỗ cho ông Quan Quốc L3 và bà Lý M. Về chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn sẽ làm văn bản liệt kê các chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng cho Tòa án.

Đối với Chứng thư thẩm định giá số: 101022/CT-TNV ngày 03/10/2022 của Công ty Cổ phần Đ1, giá nhà đất tranh chấp là 4.420.000.000 (bốn tỷ bốn trăm hai mươi triệu) đồng, nguyên đơn thấy hiện nay giá này cao hơn giá thị trường, nhưng nguyên đơn không yêu cầu định giá, không yêu cầu thẩm định giá lại và cũng không đưa ra giá để thảo thuận. Đề nghị Tòa án chia theo kỷ phần thừa kế mà các các đồng thừa kế được hưởng tại thời điểm thi hành án, giao cơ quan thi hành án bán đấu giá tài sản để chia theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của bà Quan Lệ T và bà Quan Lệ H về việc đề nghị Tòa án xem xét áp dụng Án lệ để tính công sức đóng góp, gìn giữ, sửa chữa làm tăng giá trị tài sản, nguyên đơn đồng ý, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, nguyên đơn chỉ biết địa chỉ của hai người làm chứng di chúc của bà Lý M ngày 09/5/2002 như đã nêu trong di chúc. Nguyên đơn cũng không biết họ còn sống hay không và có còn ở địa chỉ nói trên hay không.

Bị đơn bà Quan Lệ T (đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Quan N) trình bày tại đơn phản tố ngày 13/9/2023, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà T thống nhất với nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống của ông L3, bà M; di sản ông L3, bà M để lại; ngày ông L3, bà M chết; hàng thừa kế thứ nhất của ông L3, bà M; ngày ông C1 chết và quan hệ nhân thân của ông C1. Về việc công nhận hiệu lực Tờ di chúc số 015098 của bà Lý M: Theo đơn khởi kiện và một số tài liệu kèm theo phía nguyên đơn ông Quan Trọng C cung cấp, ghi nhận về sự kiện bà Lý M vào năm 2002 có xác lập Tờ di chúc số 015098, quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng Công chứng số 2 Thành phố C3 lập ngày 09/5/2002 với nội dung để lại phần sở hữu của bà và phần thừa kế mà bà được hưởng trong căn nhà tại địa chỉ số B cho ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định pháp luật về di chúc và Tờ di chúc ngày 09/5/2002 có chứa nhiều yếu tố của một di chúc vô hiệu. Cụ thể:

Về yếu tố minh mẫn, sáng suốt của người để lại di chúc bà Lý M: Phần Chứng nhận tại Tờ di chúc số 015098 quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD có ghi nhận rằng *"Theo nhận biết của tôi, tại thời điểm công chứng, Bà Lý M có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật",* phần nhận định này của công chứng viên là chưa khách quan và đảm bảo về năng lực của người để lại di chúc.

Căn cứ theo Căn cước công dân số 020746487 của bà Lý M, bà Lý M sinh năm 1936, tính đến ngày 09/5/2002 khi xác lập Tờ di chúc số 015098, bà M thời điểm đó đã 66 tuổi. Theo quy định của Pháp lệnh về người cao tuổi số 23/2000/PL-UBTVQH10, tại Điều 1 có quy định "*Người cao tuổi theo quy định của Pháp lệnh này là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ 60 tuổi trở lên".* Qua đây, nhận định được rằng bà Lý M thuộc vào trường hợp người cao tuổi lập di chúc, vì vậy khi xác lập di chúc để lại di sản thừa kế, trong trường hợp của bà Lý M cần xem xét kỹ các vấn đề liên quan đến sức khỏe, để đảm bảo thỏa mãn điều kiện tại quy định tại Điều 655 Bộ luật Dân sự năm 1995: *"a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc".* Cho đến hiện nay, Bộ luật Dân sự và các văn bản dưới luật vẫn chưa có quy định cụ thể về cách thức xác định sự minh mẫn, sáng suốt này đối với chủ thể là người lớn tuổi. Thực tiễn ghi nhận rằng, đối với cá nhân là người lớn tuổi thường sẽ mắc các bệnh về trí não như mất trí nhớ, khả năng ghi nhớ kém, hay lẫn,... Do đó, khi người lớn tuổi xác lập di chúc để lại di sản cần xác minh, chứng minh được khả năng minh mẫn, sáng suốt của họ để đảm bảo theo điều kiện xác lập di chúc.

Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch ngày 08/5/2002 có ghi nhận các giấy tờ nộp kèm Phiếu này có bao gồm 01 (một) Giấy khám sức khoẻ. Theo Phiếu khám sức khoẻ của bà Lý M đính kèm do Trung tâm Y tế Q1 cấp ngày 13/3/2001 có ghi nhận một số nội dung về: *"chỉ số cơ bản về cân nặng, chiều cao, huyết áp và đối với thính giác cả hai tai giảm, thị giác cườm tiến triển. Kết luận: sức khoẻ bình thường, tinh thần còn minh mẫn.".* Nội dung khám sức khoẻ chủ yếu là khám tổng quát về các giác quan, các giác quan theo ghi nhận có sự suy giảm, có những biến chứng và chưa ghi nhận những kiểm tra chuyên sâu.

Việc khám sức khoẻ để lập di chúc ở các bệnh viện vẫn chưa được quy định một cách rõ ràng hay chưa có pháp luật hóa giấy xác nhận của bệnh viện và cả công đoạn khám, nhiều quan điểm bác sĩ cho rằng phải khám tổng quát khám đầy đủ như đo huyết áp, mắt, tai, mũi, họng, ngoại khoa, nội khoa, thần kinh..., một quan điểm khác cho rằng cần khám chuyên sâu về tâm thần,... Do đó, theo nội dung ghi nhận việc khám tổng quát tại Phiếu khám sức khỏe của bà M để lập di chúc đối với người già, người lớn tuổi là không đủ điều kiện. Thêm đó, thời điểm lập di chúc là ngày 09/5/2002, đã hơn 14 tháng kể từ ngày khám sức khoẻ, tương đương tình trạng sức khoẻ theo ghi nhận là tình trạng sức khỏe của bà M vào 01 năm trước. Trong việc chứng minh sức khỏe của người lập di chúc, giấy khám sức khoẻ phải được cơ quan chuyên môn y tế (cụ thể là Giấy khám sức khoẻ, Giấy chứng nhận về sức khoẻ của Cơ quan y tế có thẩm) quyền cấp trong thời hạn nhất định.

Theo ghi nhận các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành năm 2002 chưa có quy định về thời hạn giá trị có hiệu lực của Giấy khám sức khoẻ. Do đó, mượn tinh thần của pháp luật hiện hành, xem xét khoản 4 Điều 38 Thông tư 32/2023/TT-BYT giá trị sử dụng của giấy khám sức khỏe, kết quả khám sức khỏe định kỳ: *"4. Giá trị sử dụng của giấy khám sức khỏe, kết quả khám sức khỏe định kỳ: a) Giấy khám sức khỏe có giá trị trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký kết luận sức khỏe; b) Kết quả khám sức khỏe định kỳ có giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật.".* Vì vậy, đối với Phiếu

khám sức khoẻ của bà Lý M do Trung tâm Y tế Q1 cấp ngày 13/3/2001, cần xem xét lại và loại bỏ tư cách như một tài liệu không có giá trị chứng minh về sức khoẻ của bà M khi xác lập di chúc.

Về khối tài sản được định đoạt theo Tờ di chúc số 015098: Nội dung của Tờ di chúc ghi rằng: "*Chúng tôi là chủ sở hữu căn nhà số B đường L, Phường A, Quận A, TP . theo Văn tự bán nhà ngày 04/03/1976,...".* Tuy nhiên, theo tài liệu có liên quan, Văn tự bán nhà giữa ông Nguyễn Văn N4 và ông Quan Quốc L3 ghi nhận ngày xác lập là ngày 24/11/1975. Vì vậy, phần tài sản được sang nhượng, để thừa kế trong Tờ di chúc số 015098 không phải là khối tài sản theo Văn tự bán nhà ghi nhận.

Về xác thực chữ ký của bà Lý M tại Tờ di chúc số 015098: Theo các tài liệu, giấy tờ được giao nộp trong vụ án, cụ thể tại Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch ngày 08/5/2002 và Tờ di chúc số 015098 có ghi nhận chữ ký và điểm chỉ của bà Lý M. Tuy nhiên, chữ ký ở hai tài liệu nêu trên có phần khác biệt rõ rệt. Do đó, phía Tòa án cần xem xét, giám định, chứng thực đối với tài liệu này khi đưa vào vụ án.

Về người làm chứng đồng thời là người phiên dịch của bà M trong việc chứng thực di chúc: Căn cước công dân của bà M có ghi nhận nguyên quán là Q, Trung Quốc, trong sinh hoạt thường nhật bà giao tiếp với gia đình và mọi người bằng tiếng Hoa (tiếng Quảng). Vì vậy, hoàn toàn có thể chứng minh được việc bà M không biết tiếng Việt.

Trong việc chứng thực di chúc của người không biết tiếng Việt cần có người trong vai trò phiên dịch, thông thạo hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng nước ngoài theo người xác lập để đảm bảo nội dung di chúc là hoàn toàn đúng theo ý chí của người xác lập. Theo Tờ di chúc của bà M ghi nhận người làm chứng đồng thời là người phiên dịch cho bà, tại phần ký tên người làm chứng có cam kết việc đã đọc và dịch lại nội dung di chúc cho bà M. Tuy nhiên, tại phần nhận định của công chứng viên có sự mâu thuẫn khi ghi nhận rằng: *"Người lập di chúc đã nghe công chứng viên đọc lại bản di chúc này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong di chúc này"* và không chứng nhận việc có người làm chứng đã phiên dịch đầy đủ nội dung di chúc cho bà M. Do đó, đối với việc không chứng thực yếu tố phiên dịch trong trường hợp này có khả năng cho việc phần nội dung của di chúc là chưa đúng với ý chí của người để lại di sản. Vì vậy, cần xem xét đưa những người phiên dịch đồng thời là người làm chứng trong việc chứng thực di chúc tham gia vào tố tụng.

Bị đơn đề nghị Tòa án mời hai người làm chứng trong di chúc ngày 09/5/2002 của bà Lý M vào tham gia tố tụng, gồm:

- Bà Lý Tô N3, sinh năm 1959; Chứng minh nhân dân số: 021901107 cấp ngày 23/9/1982 tại Công an Thành phố H; Thường trú: D N, Phường F, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lưu An L2, sinh năm 1956; Chứng minh nhân dân số: 021868832 cấp ngày 22/12/1995 tại Công an Thành phố H; Thường trú: H Hòa Bình, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn xác định yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án tuyên hủy bỏ Di chúc của bà Lý M lập ngày 09/5/2002 (số công chứng 015098, quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD) lập tại Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh do không phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn chỉ có yêu cầu phản tố nói trên trong vụ án, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên hòa giải ngày 17/7/2024, bà Quan Lệ T nộp Bản tự khai ngày 17/7/2024 và yêu cầu tuyên vô hiệu Tờ di chúc số 015098, quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng Công chứng số 2 Thành phố C3 chứng nhận ngày 09/5/2002. Bị đơn có ý kiến về bản vẽ sơ đồ thửa đất và bản đồ hiện trạng vị trí ngày 03/6/2020 như sau:

Theo Đơn khiếu nại ngày 28/10/2022 gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn có đề nghị xem xét bác bỏ nội dung "*tôi thống nhất với bản vẽ sơ đồ nhà đất và bản đồ hiện trạng vị trí ngày 03/06/2022 do Trung tâm đo đạc - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập".* Cụ thể:

Tại Bản vẽ sơ đồ nhà đất và Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 03/6/2022 tại phần Ghi chú có nội dung*: "Ranh giới thửa đất do bà Quan Lệ H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) hướng dẫn và theo biên bản thực địa ký ngày 27/4/2022"*. Nội dung nêu trên là hoàn toàn không đúng, bởi: Bản vẽ trên đo đạc theo yêu cầu của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo yêu cầu từ phía nguyên đơn ông Quan Trọng C, thêm đó tại thời điểm đo đạc bà H không có hướng dẫn ranh và không ký vào bất cứ biên bản nào như nội dung bản vẽ nêu.

Bị đơn có ý kiến về việc nộp bổ sung Bản vẽ cho Tòa án: Năm 2002, bị đơn có khởi kiện bà Nguyễn Cẩm H1, địa chỉ: 2 L, Phường A, Quận A, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đã được thụ lý số 1081/DSST ngày 27/6/2002 về việc "Tranh chấp nhà đất". Tuy nhiên, ngày 13/4/2004, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 655/ĐC-DSST đình chỉ việc giải quyết vụ án với lý do: *"Cảnh sát khu vực 3 trực tiếp giao giấy triệu tập đương sự không chịu nhận và không chịu ghi gì vào giấy cả. Do vậy, Tòa án tiến hành niêm yết lần 01 vào ngày 24/3/2004 và lần 02 vào ngày 30/3/2004 nhưng nguyên đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng".* Nhưng thực tế, bị đơn không biết và cũng không có ai giao giấy triệu tập như Quyết định đã nêu, việc tống đạt đã vi phạm pháp luật về tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Đồng thời, thời điểm này, bà T vẫn đang khiếu nại về hành vi của Ủy ban nhân dân Quận A về việc cấp và thu hồi Giấy phép xây dựng dẫn đến hậu quả là nhà số B L, Phường A, Quận A đã xây dựng xong (trong đó có phần diện tích đất chiều ngang 0,3m x chiều dài 8m của bà T bị lấn, chiếm), cho nên bà T không khiếu nại Quyết định của Tòa án về việc đình chỉ giải quyết vụ án và chờ cho đến khi cơ quan chức năng ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (nếu không chấp nhận yêu cầu) hoặc khiếu nại của bị bà T đã quá thời hạn mà không được giải quyết thì bị đơn khởi kiện lại vụ án trên.

Đến tháng 11 năm 2005, bà T vẫn tiếp tục khiếu nại vụ việc trên đến Thanh tra Chính Phủ về việc Ủy ban nhân dân Quận A cấp Giấy phép xây dựng cho bà Nguyễn Cẩm H1 trái pháp luật nhưng sau khi thu hồi giấy này không xử lý hậu quả do cấp giấy phép xây dựng trái pháp luật gây ra. Ngày 09/8/2010, Thanh tra Chính phủ ban hành Công văn số 2329/TTCP-VP gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết đơn khiếu tố của bị đơn và từ đó cho đến nay bà T chưa nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại.

Hiện nay, Tòa án đang thụ lý vụ kiện: "Tranh chấp thừa kế" căn nhà, đất tại địa chỉ: 2 L, Phường A, Quận A do Bản vẽ sơ đồ nhà đất và Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 03/6/2022 vẽ thiếu diện tích đất của bị đơn (chiều ngang 0,3m x chiều dài 8m) và diện tích này hiện do nhà số: 2 L, Phường A, Quận A lấn chiếm và đang sử dụng. Bị đơn không đồng ý Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Trung tâm Đ bản

đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập và phát hành ngày 03/6/2022, vì: Diện tích theo bản vẽ không đúng với diện tích trong Văn tự bán nhà ngày 24/11/1975 giữa ông Nguyễn Văn N4 và ông Quan Quốc L3.

Vì vậy, bị đơn đề nghị phía Tòa án nên xem xét việc mời đơn vị có chức năng đo đạc tiến hành đo vẽ lại căn nhà và đất tại địa chỉ nêu trên trong đó có diện tích của bà T đã bị nhà số: 2 L, Phường A, Quận A lấn, chiếm và đưa bà Nguyễn Cẩm H1 hoặc người đại diện chủ sở hữu nhà số: 2 L, Phường A, Quận A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về việc phân chia di sản thừa kế: Căn nhà số B L, Phường A, Quận A có chiều dài 8m và chiều rộng 3,5m là tài sản chung của ông Quan Quốc L3 và bà Lý M. Do đó, đối với phần di sản của cha bị đơn ông Quan Quốc L3 được chia đều cho cho 09 người con theo pháp luật tương đương với việc bà T có quyền đối với phần tài sản trong khối tài sản chung này. Vì vậy, việc ông Quan Trọng C có yêu cầu bị đơn và các đồng thời kế khác đang sinh sống trong căn nhà trên phải rời đi là không có cơ sở, quy định, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Trong vụ án này, bị đơn đề nghị Tòa án xem xét để bị đơn được hưởng thừa kế bằng hiện vật và trả lại tiền cho ông C, vì một số lý do sau đây:

Nguyên thời gian năm 1975 cha bị đơn là ông Quan Quốc L3 mua lại căn nhà số B L, Phường A, Quận A, của ông Nguyễn Văn N4 có chiều dài 8m và chiều rộng 3,5m. Cả gia đình của bị đơn cùng sinh sống tại căn nhà trên đến khoảng từ trước thời điểm cha bị đơn mất năm 1995, các anh, chị, em của bị đơn không còn sinh sống chung với nhau tại căn nhà này mà chỉ có bị đơn, bà N1, bà H ở, sửa chữa, cải tạo, trông nom và giữ gìn nhà cửa đến nay. Tuy nhiên, hiện tại bị đơn đang sinh sống và cư ngụ ổn định tại đây từ khi cha bị đơn mua nhà ở đến nay, bị đơn ở cùng bà H và cháu Thái Hạnh N2 là con bà H. Căn nhà là nơi ở duy nhất của chị em bị đơn và cháu N2.

Đồng thời, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/4/2002 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận trẻ Thái Hạnh N2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư ngụ tại nhà đất nói trên. Bị đơn đề nghị Tòa án xem xét áp dụng Án lệ để xem xét công sức đóng góp của bị đơn trong việc làm tăng giá trị căn nhà, sửa chữa, bảo quản, gìn giữ tài sản. Bị đơn có công sức đóng thuế, sửa nhà (không nhớ các hạng mục sửa chữa, không nhớ năm sửa, không nhớ số tiền và cũng không có hóa đơn chứng từ để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án).

Bị đơn không có ý kiến đối với Chứng thư thẩm định giá số: 101022/CT-TNV ngày 03/10/2022 của Công ty Cổ phần Đ1, giá nhà đất tranh chấp là 4.420.000.000 (bốn tỷ bốn trăm hai mươi triệu) đồng. Không yêu cầu định giá hay thẩm định giá lại. Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các chi phí như tiền thuốc, viện phí, tang lễ, đám tang, một phần, đám giỗ cho ông Quan Quốc L3 và bà Lý M.

Về chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị đơn không nộp tạm ứng chi phí tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Lệ B (đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Quan N) trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, như sau: Nhà đất nói trên là di sản của ông Quan Quốc L3 và bà Lý M. Ông L3 chết không có di chúc, bà M có di chúc như nguyên đơn trình bày là đúng.

Về hàng thừa kế thứ nhất của ông Quan Quốc L3 và bà Lý M đúng như nguyên đơn trình bày. Bà có cùng ý kiến như trình bày của người đại diện nguyên đơn. Đối với

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đồng ý và xin nhận thừa kế bằng giá trị, không nhận hiện vật. Trong trường hợp nếu nguyên đơn và bị đơn không nhận thừa kế bằng hiện vật thì bà xin nhận nhà và hoàn trả giá trị cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật. Nhưng giá nhà mà bà muốn mua là 4.300.000.000 đồng.

Theo Chứng thư thẩm định giá số: 101022/CT-TNV ngày 03/10/2022 của Công ty Cổ phần Đ1, giá nhà đất tranh chấp là 4.420.000.000 đồng, bà không đồng ý với giá này nhưng sẽ suy nghĩ lại. Bà không yêu cầu định giá hay thẩm định giá lại.

Bà đồng ý với Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Trung tâm Đ bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập và phát hành ngày 03/6/2022. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các chi phí như tiền thuốc, viện phí, tang lễ, đám tang, mộ phần, đám giỗ cho ông Quan Quốc L3 và bà Lý M. Về chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà không nộp tạm ứng.

Đối với ý kiến của bà Quan Lệ T và bà Quan Lệ H về việc đề nghị Tòa án xem xét áp dụng Án lệ để tính công sức đóng góp, gìn giữ, sửa chữa làm tăng giá trị tài sản, bà không đồng ý.

Hiện nay, bà chỉ biết địa chỉ của hai người làm chứng di chúc của bà Lý M ngày 09/5/2002 như đã nêu trong di chúc. Bà cũng không biết họ còn sống hay không và có còn ở địa chỉ nói trên hay không.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồng Mỹ Y trình bày tại Bản tự khai ngày 06/10/2020 và 17/3/2021, như sau: Bà thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, hàng thừa kế thứ nhất, ngày chết của ông Quan Quốc L3 và bà Lý M.

Bà là con của ông Quan Trọng C1, là một trong những người thừa kế của bà Lý M mất năm 2010, theo giấy chứng tử số 78 quyển số 01/2010 do U, Quận A cấp ngày 02/9/2010 và ông Quan Quốc L3 mất năm 1995. Di sản thừa kế của bà Lý M là nhà đất tại số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Quan Trọng C1 có 04 người con là: Hồng Mỹ L1 (sinh năm 1979, cư trú tại Malaysia), Hồng Mỹ P (sinh năm 1982, cư trú tại Úc), Hồng Chí K (sinh năm 1986, mất tích từ năm 2014), Hồng Mỹ Y (sinh năm 1988). Vào năm 2002, bà Lý M có lập Di chúc số 015098 quyển số 5 do Phòng C4 chứng nhận ngày 09/5/2002 với nội dung di chúc là để lại phần sở hữu của bà và phần thừa kế mà bà được hưởng trong căn nhà tranh chấp trên từ chồng là ông Quan Quốc L3 cho con là ông Quan Trọng C và một người khác. Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế nhà đất tại số B L, Phường A, Quận A theo di chúc và theo pháp luật.

Bà đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là nhà đất tại số B L, Phường A, Quận A theo di chúc và theo pháp luật. Bà đã được Tòa án giải thích về thủ tục tuyên bố mất tích hoặc tuyên bố một người đã chết đối với anh bà là ông Hồng Chí K nhưng đến nay gia đình bà vẫn chưa làm được. Ông Hồng Chí K bỏ nhà ra đi từ năm 2014 đến nay không có tin tức gì.

Bà và gia đình cũng không có địa chỉ hay thông tin gì của ông Quan Lễ T1 và ông Quan Trọng T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Chí D trình bày như sau: Anh là con riêng của ông Quan Trọng C1 (sinh năm 1959 và mất năm 2009). Ông C1 chung sống với mẹ anh là bà Lý Cẩm M1 (sinh năm 1967) cư trú cùng anh tại địa chỉ số E Đ,

phường P, quận T. Ông C1 và bà M1 không có đăng ký kết hôn, nên giấy khai sinh của anh không có tên cha là ông Quan Trọng C1.

Các cô chú trong gia đình đều thừa nhận anh là con của ông C1 kể cả bà nội anh là bà Lý M lúc còn sống cũng thừa nhận anh là cháu nội của bà. Lúc còn sống ông C1 cũng không làm giấy xác nhận anh là con của ông C1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nếu anh được nhận di sản thì anh xin nhận. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, anh không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Lệ H (đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Quan N và là người đại diện theo pháp luật của trẻ Thái Hạnh N2) trình bày như sau: Bà thống nhất với lời khai của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, hàng thừa kế thứ nhất, ngày chết của ông Quan Quốc L3 và bà Lý M.

Bà thống nhất lời khai trong Bản tự khai ngày 17/7/2024 của bà T. Bà có Bản tự khai ngày 17/7/2024, yêu cầu tuyên vô hiệu Tờ di chúc số 015098, quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 09/5/2002. Bà đề nghị Tòa án mời hai người làm chứng trong di chúc ngày 09/5/2002 của bà Lý M vào tham gia tố tụng, gồm:

- Bà Lý Tô N3, sinh năm 1959; Chứng minh nhân dân số: 021901107 cấp ngày 23/9/1982 tại Công an Thành phố H; Thường trú: D N, Phường F, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lưu An L2, sinh năm 1956; Chứng minh nhân dân số: 021868832 cấp ngày 22/12/1995 tại Công an Thành phố H; Thường trú: H Hòa Bình, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đề nghị Tòa án xem xét mời đơn vị có chức năng đo đạc tiến hành đo vẽ nhà đất tại địa chỉ 2 L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Nguyễn Cẩm H1, đưa bà Nguyễn Cẩm H1 hoặc người đại diện chủ sở hữu căn nhà số B L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hai nhà trong cùng vụ án này. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu tuyên bố Di chúc của bà Lý M vô hiệu.

Nguyên thời gian năm 1975 cha bị đơn là ông Quan Quốc L3 mua lại căn nhà số B L, Phường A, Quận A của ông Nguyễn Văn N4 có chiều dài 8m và chiều rộng 3,5m, cả gia đình của bà cùng sinh sống tại căn nhà trên đến khoảng từ trước thời điểm cha của bà mất năm 1995, các anh, chị, em của bà không còn sinh sống chung với nhau tại căn nhà này mà chỉ có 3 chị em là bà T, bà N1 và bà ở, sửa chữa, cải tạo, trông nom và giữ gìn nhà cửa đến nay. Tuy nhiên, hiện tại bị đơn đang sinh sống và cư ngụ ổn định tại căn nhà trên từ khi cha của bà mua nhà ở đến nay, bà H ở cùng bà T và con gái ruột Thái Hạnh N2. Căn nhà là nơi ở duy nhất của chị em bà và cháu N2.

Đồng thời, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/4/2002 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận trẻ Thái Hạnh N2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư ngụ tại địa chỉ số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà là nơi ở duy nhất của chị em bà và cháu N2, trong khi ông C và các đồng thừa kế khác đều đã sở hữu là nhà ở riêng lẻ và không có nhu cầu ở thực tế, cho nên bà không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C. Việc phân chia di sản thừa kế

tại căn nhà 206/4 L là nơi ở duy nhất của bà, chị bà là bà Quan Lệ T tuổi đã cao (62 tuổi) và cháu N2 sinh năm 2012 (mới là học sinh cấp 2) gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sinh hoạt và an sinh hàng ngày của những người trên. Vì vậy, bà đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu không thực thực hiện chia di sản thừa kế tại căn nhà số B L là nơi ở duy nhất của chị em bà H và cháu N2.

Ngoài ra, bà đề nghị Tòa án xem xét áp dụng thời hiệu đối với di sản của ông Quan Quốc L3 và xem xét áp dụng Án lệ để xem xét công sức đóng góp của bà H trong việc làm tăng giá trị căn nhà, sửa chữa, bảo quản, gìn giữ tài sản. Bà có công sức sửa chữa nhưng không nhớ sửa gì, không nhớ năm sửa, không nhớ số tiền và cũng không có hóa đơn chứng từ để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quan Lễ T1 (có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hữu L) trình bày như sau: Với tư cách là đại diện theo ủy quyền của ông Quan Lễ T1, ông L thống nhất ý kiến như nguyên đơn đã trình bày, không bổ sung gì thêm. Ông T1 xin nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị, không yêu cầu nhận hiện vật. Với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Quan N, ông Quan Lễ T1 không ủy quyền cho người đại diện, không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh (ủy quyền cho ông Lê Huỳnh Phương V đại diện) trình bày: Tại thời điểm công chứng, căn cứ vào các giấy tờ mà người yêu cầu công chứng đã xuất trình là đầy đủ và phù hợp với quy định của Nghị định 75/2000/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan; căn cứ yêu cầu công chứng của các bên không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, Công chứng viên đã tiếp nhận hồ sơ và thực hiện việc công chứng hợp đồng nêu trên theo đúng trình tự, thủ tục của Nghị định 75/2000/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan.

Phòng C3 đã cung cấp cho Tòa bản sao toàn bộ hồ sơ của di chúc số 015098 và hồ sơ liên quan vào ngày 21/12/2021. Phòng C3 trình bày và có ý kiến như trên để Tòa giải quyết, xét xử vụ việc liên quan đến hợp đồng số 029524 theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Phòng C3 đề nghị không tham gia và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các bước và thủ tục tố tụng như đối chất, hòa giải và xét xử vụ việc dân sự nêu trên theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà Lý Tô N3 trình bày tại Bản tự khai ngày 16/8/2024, như sau: Bà không có quan hệ gì với bà Lý M. Trước đây bà có quen biết với vợ chồng ông C (con bà M) từ đó mới biết bà M. Ngày 09/5/2002, bà Lý M có mời bà đến Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh để làm chứng cho việc bà M lập di chúc. Bà M còn mời một người làm chứng khác là ông Lưu An L2. Bà không biết ông L2 là ai, chỉ gặp ở Phòng C3 nên hiện nay bà cũng không biết ông L2 đang cư trú ở đâu để cung cấp. Khi lập di chúc, bà Lý M vẫn còn khỏe mạnh, tinh thần minh mẫn. Sau khi bà M tuyên bố nội dung di chúc, công chứng viên đã đánh máy lại. Sau đó, bà đã đọc lại nội dung Tờ di chúc được đánh máy, sau đó đã dịch sang tiếng Quảng cho bà M nghe. Bà Lý M đã nghe, hiểu rõ nội dung và xác nhận di chúc đã ghi đúng ý chí, ý nguyện của mình rồi mới ký tên lăn tay vào di chúc. Di chúc của bà Lý M đã được lập một cách hợp lệ, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà cam đoan những lời khai của bà tại hồ sơ vụ án hoàn toàn là sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình, không thắc mắc hay khiếu nại gì về sau. Bà có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân các cấp giải quyết vụ án.

Người làm chứng ông Nguyễn Công T3 - Công chứng viên trình bày: Vào tháng 5 năm 2002, với tư cách Công chứng viên Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh, ông có chứng nhận bản di chúc của bà Lý M (số công chứng 015098, quyển số 05/TP/CC-SCC/HDGD). Hiện cá nhân ông không thể tiếp xúc hồ sơ công chứng được lưu trữ theo quy định của pháp luật. Hiện nay, bản thân ông không thể cho rằng tại thời điểm ký di chúc, bà Lý M có biểu hiện tinh thần ra sao? Đối với người lập di chúc nếu có hạn chế nhận thức thì cần phải có người làm chứng. Công chứng viên cũng đã thực hiện đúng quy định về người làm chứng. Các hồ sơ kèm theo hồ sơ lưu này là chứng cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá chứng cứ này.

Theo quy định về người làm chứng cũng có thể hiện cùng tham gia đọc lại nội dung di chúc cho bà Lý M. Ông không có ý kiến gì khác ngoài chứng cứ có tại hồ sơ lưu trữ của di chúc này. Ông không thể đến để tham gia tố tụng trong vụ án, nên xin phép được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án, kể cả đối chất. Ông từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án và đề nghị Tòa án không tống đạt các văn bản tố tụng cho ông. Ông cam đoan những lời khai của ông tại hồ sơ vụ án hoàn toàn là sự thật. Ông chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình và không thắc mắc hay khiếu nại gì về sau.

Người làm chứng ông Lưu An L2: Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập ông L2 tại địa chỉ ghi trong Di chúc của bà Lý M (số H Hòa Bình, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) đến Tòa án cung cấp lời khai và chứng cứ liên quan đến việc làm chứng Di chúc của bà Lý M, nhưng ông L2 vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai và không có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 677/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quan Trọng C, về việc chia di sản thừa kế của ông Quan Quốc L3 theo pháp luật chia di sản thừa kế của bà Lý M theo di chúc.

1.1. Xác định nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có hiện trạng theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất cùng do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập và phát hành ngày 03/6/2022), là tài sản chung của ông Quan Quốc L3 và bà Lý M. Giá trị nhà đất là 4.420.000.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá số 101022/CT-TNV ngày 03/10/2022 của Công ty Cổ phần Đ1.

1.2. Bà Quan Lệ T và bà Quan Lệ H được nhận kỷ phần thừa kế tương đương 10% giá trị nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (mỗi người được nhận 5%), đối với công sức đóng góp trong việc quản lý, tôn tạo và làm tăng giá trị di sản thừa kế.

1.3. Xác định 90% giá trị nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh còn lại, là di sản thừa kế của ông Quan Quốc L3 và bà Lý M (mỗi người sở hữu 45% giá trị nhà, đất).

1.3.1. Di sản của ông Quan Quốc L3 được chia thừa kế theo pháp luật cho 10 người thừa kế, gồm: Bà Lý M, ông Quan Lễ T1, Quan Nữ (*chết ngày 29/7/2022, có các đồng*

thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai là các ông, bà: Quan Lễ T1, Quan Lệ T, Quan Trọng T2, Quan Lệ B, Quan Lệ H, Quan Trọng C, Quan Lệ N1 được nhận), ông Quan Trọng C1 (*chết ngày 03/3/2009, có các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà Lý M, bà Hồng Lỳ S (vợ) và 05 người con ruột là các ông, bà Hồng Mỹ Y, Hồng Mỹ L1, Hồng Mỹ P, Hồng Chí K, anh Lý Chí D nhận*), bà Quan Lệ T, ông Quan Trọng T2, bà Quan Lệ B, bà Quan Lệ H, ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1; Mỗi người thừa kế được nhận 4,5% giá trị nhà, đất nói trên. Kỷ phần thừa kế mà bà Lý M được nhận giải quyết theo di chúc ngày 09/5/2002 của bà Lý M.

1.3.2. Di sản của bà Lý M là 50,143% giá trị nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (45% giá trị nhà đất + 4,5% giá trị nhà đất được hưởng từ di sản của ông Quan Quốc L3 + 0,643% giá trị nhà đất được nhận từ kỷ phần thừa kế của ông Quan Trọng C1). Di sản này của bà Lý M được chia thừa kế theo Tờ di chúc của bà Lý M lập ngày 09/5/2002 tại Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh (số A, quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD); Người được nhận di sản của bà Lý M là ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1, mỗi người được nhận 25,0715% giá trị nhà đất.

1.4. Kỷ phần thừa kế mà những người thừa kế được nhận như sau:

1.4.1. Bà Hồng Lỳ S, bà Hồng Mỹ Y, bà Hồng Mỹ L1, bà Hồng Mỹ P, ông Hồng Chí K và anh Lý Chí D mỗi người được nhận 0,643% giá trị nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4.2. Ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1, mỗi người được nhận 30,2145% giá trị nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4.3. Bà Quan Lệ T và bà Quan Lệ H, mỗi người được nhận 10,143% giá trị nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4.4. Bà Quan Lệ B, ông Quan Trọng T4 và ông Quan Trọng T2 mỗi người được nhận 5,143% giá trị nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Giao nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có hiện trạng theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất cùng do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập và phát hành ngày 03/6/2022) cho bà Quan Lệ T được quyền sở hữu. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực, bà Quan Lệ T có nghĩa vụ hoàn trả cho những người thừa kế kỷ phần mà họ được nhận, cụ thể:

1.5.1. Bà Hồng Lỳ S, bà Hồng Mỹ Y, bà Hồng Mỹ L1, bà Hồng Mỹ P, ông Hồng Chí K và anh Lý Chí D mỗi người được nhận số tiền 28.420.600 (hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm) đồng.

1.5.2. Ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1, mỗi người được nhận số tiền 1.335.480.900 (một tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn chín trăm) đồng.

1.5.3. Bà Quan Lệ H được nhận số tiền 448.320.600 (bốn trăm bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm) đồng.

1.5.4. Bà Quan Lệ B, ông Quan Trọng T4 và ông Quan Trọng T2 mỗi người được nhận số tiền 227.320.600 (hai trăm hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm) đồng.

Giao kỷ phần thừa kế của ông Quan Trọng T2 cho bà Quan Lệ T quản lý, bà Quan Lệ T có nghĩa vụ giao lại cho ông Quan Trọng T2 sau này.

Sau khi hoàn trả xong kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế trong thời hạn nói trên, bà Quan Lệ T được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất theo quy định.

Nếu hết thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực, mà bà Quan Lệ T không trả hoặc trả không đầy đủ kỷ phần thừa kế bằng giá trị cho những người thừa kế khác nói trên, thì các đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, phát mãi nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, để thi hành án. Số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản, sau khi trừ các chi phí liên quan đến việc thi hành án, sẽ được chia cho những người thừa kế theo kỷ phần mà họ được nhận nêu tại tiểu mục [1.4] nói trên. Bà Quan Lệ T, bà Quan Lệ H, bà Quan Lệ N1, cháu Thái Hạnh N2 (sinh năm 2012, có bà Quan Lệ H đại diện theo pháp luật) và những người cư trú tại nhà đất nói trên tại thời điểm thi hành án, có nghĩa vụ giao nhà đất này cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, để thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quan Trọng C, về việc xin nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và hoàn trả bằng giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế khác.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Quan Lệ T (bị đơn), về việc yêu cầu tuyên hủy Tờ di chúc của bà Lý M lập ngày 09/5/2002 tại Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh (Số A, Quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 30/9/2024, bị đơn bà Quan Lệ T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Lệ H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bị đơn bà Quan Lệ T trình bày: Yêu cầu tuyên hủy Di chúc của bà Lý M lập ngày 09/5/2002 tại Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh, bởi lẽ: Giấy khám sức khỏe của bà Lý M từ ngày khám đến ngày lập di chúc đã hơn 12 tháng, người làm chứng trong di chúc cũng đồng thời là người phiên dịch tiếng H2 cho bà Lý M nên không đảm bảo yếu tố khách quan, bà Lý M có thính lực (tai) giảm nên không rõ khi người làm chứng dịch di chúc thì bà Lý M có nghe rõ hay không; nhà đất tranh chấp đang có phần ranh giới tranh chấp với nhà 206/2 Lạc Long Q. Vì vậy, bị đơn chỉ đồng ý chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Quan Quốc L3, không đồng ý chia thừa kế theo di chúc di sản của bà Lý M. Bà yêu cầu tính công sức đóng góp, làm tăng giá trị tài sản tranh chấp cho bà và bà Quan Lệ H theo Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Lệ H trình bày: Bà có cùng ý kiến với bà Quan Lệ T. Bà đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của bà Lý M theo di chúc. Bà yêu cầu xem xét thời hiệu thừa kế di sản của ông Quan Quốc L3. Bà yêu cầu tính công sức đóng góp, làm tăng giá trị tài sản tranh chấp cho bà và bà Quan Lệ T theo Án lệ số

05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bà xin nhận thừa kế bằng giá trị, đồng ý để bà Quan Lệ T nhận thừa kế bằng hiện vật.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Quan Trọng C (nguyên đơn) và ông Quan Lễ T1 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày: không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Quan Lệ B trình bày: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn. Bà đồng ý với bản vẽ ngày 03/6/2022, hiện nay trong gia đình không có ai tranh chấp với nhà 206/2 Lạc Long Q. Sau khi xét xử sơ thẩm bà không có kháng cáo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà không đồng ý để bà Quan Lệ T nhận nhà và trả lại tiền cho các đồng thừa kế khác. Trong gia đình, mọi người đều có công sức đóng góp vào nhà đất tranh chấp, nhưng để giải quyết dứt điểm tranh chấp, bà đồng ý áp dụng Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 để tính công sức đóng góp cho bà Quan Lệ T và bà Quan Lệ H.

Anh Lý Chí D trình bày: Anh không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Anh là con riêng của ông Quan Trọng C1, nếu được nhận thừa kế theo pháp luật, thì anh xin nhận. Chi phí giám định anh đã nộp tạm ứng là 7.000.000 (bảy triệu) đồng, anh tự nguyện nộp và không yêu cầu giải quyết. Đối với yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Sau khi phân tích các quy định của pháp luật, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và nội dung tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và phát biểu của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

[2.1] Về nguồn gốc nhà, đất tranh chấp:

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 24/11/1975, ông Nguyễn Văn N4 lập "Văn tự bán nhà", để bán nhà đất số B L cho ông Quan Quốc L3, hai bên thị thực chữ ký về việc mua bán tại phường B (nay là Phường A), Quận A ngày 04/3/1976. Văn tự bán nhà nói trên được Ủy ban nhân dân A chấp thuận số 427/Q.XI ngày 04/3/1976, ông Quan Quốc L3 đã trước bạ ngày 29/6/1983.

- Theo dữ liệu kê khai nhà đất năm 1999, nhà, đất nói trên do bà Quan Lệ N1 kê khai thông tin. Theo đó, tổng diện tích xây dựng là 52,5m^2, kết cấu: tường gạch, cột bê tông cốt thép, mái tôn, số tầng: 02 tọa lạc trên diện tích đất 30m^2, thửa đất số 43, tờ bản đồ số 2 (bản đồ địa chính). Theo "Tờ đăng ký nhà - đất" do bà Quan Lệ N1 lập ngày

01/8/1998, được Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận A xác nhận ngày 08/8/1999, thì nhà đất số B L là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Quan Quốc L3 và bà Lý M, do bà Quan Lệ N1 là con ruột đăng ký.

- Theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Trung tâm Đ bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập và phát hành ngày 03/6/2022, thì nhà, đất nói trên có diện tích theo hiện trạng là 34,2m^2, thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 9, Bộ địa chính Phường A, Quận A (theo tài liệu năm 2001); Diện tích xây dựng là 58m^2, kết cấu tường gạch, cột gạch, mái tôn, số tầng: 01 + lửng.

- Năm 1972, ông L3 và bà M có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/01/1972, số 18, quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân T5, T, G. Nhà đất số 206/4 Lạc Long Q do ông Quan Quốc L3 mua trong thời kỳ hôn nhân với bà Lý M, nên đây là tài sản chung của ông L3 và bà M. Theo lời khai của các đương sự, thì khi ông Quan Quốc L3 và bà Lý M tạo lập tài sản, các con của ông bà còn nhỏ, không ai đóng góp gì. Các đương sự cùng xác nhận nhà, đất nói trên là tài sản của vợ chồng ông Quan Quốc L3 và bà Lý M.

[2.3] Xét yêu cầu của bà Quan Lệ T (bị đơn) và bà Quan Lệ H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) về việc: Các bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì các bà đề nghị xem xét công sức đóng góp của các bà trong việc gìn giữ, quản lý và làm tăng giá trị di sản thừa kế theo Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nhận thấy:

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự có mặt thống nhất tính công sức đóng góp của bà Quan Lệ T và bà Quan Lệ H theo Án lệ nói trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận. Những người thừa kế khác của ông L3 và bà M, đều không có ý kiến gì đối với yêu cầu nói trên của bà T và bà H. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho bà Quan Lệ T và bà Quan Lệ H được nhận công sức đóng góp tương đương 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật (mỗi người được nhận ½ kỷ phần thừa kế) là có cơ sở, đúng pháp luật.

Ông Quan Quốc L3 và bà Lý M có 09 người con chung, nên hàng thừa kế thứ nhất của ông L3 và bà M có 09 người con. Như vậy, nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh được chia làm 10 phần, trong đó bà T và bà H được nhận công sức tương đương 1/10 (tức 10%) giá trị nhà, đất (mỗi người nhận 5%). Như vậy, di sản thừa kế của ông Quan Quốc L3 và bà Lý M sau khi trừ phần công sức đóng góp của bà Quan Lệ T và bà Quan Lệ H, còn lại là 90% giá trị nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Quan Quốc L3 và bà Lý M mỗi người được nhận 45% giá trị nhà, đất.

[2.4] Hàng thừa kế:

[2.4.1] Hàng thừa kế thứ nhất của ông Quan Quốc L3:

Ông Quan Quốc L3 chết ngày 04/3/1995 theo Giấy chứng tử số 08 ngày 06/3/1995 của Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận A. Theo phiếu cung cấp thông tin của Công an P1, Quận A, thì cha mẹ ruột của ông Quan Quốc L3 là ông Quan C2 và bà Lý Ngọc L4 đã chết. Các đương sự xác nhận cha mẹ của ông L3 chết trước ông L3.

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của các đương sự, thì hàng thừa kế thứ nhất của ông L3 có 10 người gồm: Vợ ông L3 là bà Lý M và 09 người

con bao gồm các ông, bà: Quan Lễ T1, Quan Nữ, Quan Trọng C1, Quan Lệ T, Quan Trọng T2, Quan Lệ B, Quan Lệ H, Quan Trọng C, Quan Lệ N1. Ngoài 09 người con ruột nói trên, thì ông Quan Quốc L3 không có con riêng, không có con nuôi, ông L3 không có cha mẹ nuôi.

[2.4.2] Hàng thừa kế thứ nhất của bà Lý M:

Bà Lý M chết ngày 02/9/2010 theo bản sao Giấy chứng tử số 78, quyển số 01/2010 ngày 14/3/2013 của Ủy ban nhân dân Phường C5, Quận A. Các đương sự không cung cấp được họ và tên, năm chết của cha mẹ bà M nhưng cùng xác nhận cha mẹ ruột của bà Lý M đã chết trước bà M từ lâu, bà M không có cha mẹ nuôi, không có con nuôi. Hàng thừa kế thứ nhất của bà M, có 09 người con ruột, gồm:

- Ông Quan Lễ T1, bà Quan Lệ T, ông Quan Trọng T2, bà Quan Lệ B, bà Quan Lệ H, ông Quan Trọng C, bà Quan Lệ N1;

- Bà Quan N, sinh năm 1957 (chết ngày 29/7/2022 theo Trích lục khai tử số 545/TLKT-BS ngày 22/9/2022 của Ủy ban nhân dân Phường C5, Quận A). Bà N đã chết độc thân, không có cha mẹ nuôi, không có con ruột, không có con nuôi. Hàng thừa kế thứ hai của bà N gồm các ông, bà: Quan Lễ T1, Quan Lệ T, Quan Trọng T2, Quan Lệ B, Quan Lệ H, Quan Trọng C, Quan Lệ N1;

- Ông Quan Trọng C1, sinh năm 1959 (chết ngày 03/3/2009 theo Giấy chứng tử số 23 ngày 04/3/2009 của Ủy ban nhân dân phường P, quận T). Căn cứ Văn bản xác minh của Công an phường P, quận T và Kết luận giám định số 3126/KL-KTHS của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ C6, thì hàng thừa kế thứ nhất của ông C1 có 07 người gồm: Bà Lý M (mẹ), bà Hồng Lỳ S (vợ), 04 người con chung giữa ông C1 với bà S là các ông, bà Hồng Mỹ Y, Hồng Mỹ L1, Hồng Mỹ P, Hồng Chí K và 01 người con riêng giữa ông C1 với bà Lý Cẩm M1 là anh Lý Chí D.

[2.5] Ông Quan Quốc L3 chết không để lại di chúc, nên di sản của ông L3 là 45% giá trị nhà đất số B L, được chia thừa kế theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L3.

Căn cứ khoản 2 Điều 679 của Bộ luật Dân sự năm 1995, thì: "Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau". Do đó, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L3 (10 người), gồm: Bà Lý M, ông Quan Lễ T1, bà Quan N, ông Quan Trọng C1, bà Quan Lệ T, ông Quan Trọng T2, bà Quan Lệ B, bà Quan Lệ H, ông Quan Trọng C và Quan Lệ N1, mỗi người được nhận 4,5% giá trị nhà, đất.

[2.5.1] Ông Quan Trọng C1 (chết năm 2009), nên kỷ phần thừa kế mà ông Quan Trọng C1 được nhận từ di sản của ông Quan Quốc L3 là 4,5% giá trị nhà, đất sẽ được chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C1 (07 người), gồm: Bà Lý M, bà Hồng Lỳ S, bà Hồng Mỹ P, bà Hồng Mỹ Y, bà Hồng Mỹ L1, ông Hồng Chí K và anh Lý Chí D, mỗi người được nhận 0,643% giá trị nhà, đất.

[2.5.2] Bà Quan N chết độc thân năm 2022, nên kỷ phần thừa kế mà bà Quan N được nhận từ di sản của ông Quan Quốc L3 là 4,5% giá trị nhà, đất tương đương số tiền 198.900.000 đồng, sẽ được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ hai còn sống của bà Quan N (07 người), gồm các ông, bà: Quan Lễ T1, Quan Lệ T, Quan Trọng T2, Quan Lệ B, Quan Lệ H, Quan Trọng C, Quan Lệ N1, mỗi người được nhận 0,643% giá trị nhà, đất.

[2.5.3] Ông Quan Trọng T2 đang cư trú tại Hoa Kỳ, nhưng các đương sự không cung cấp được địa chỉ hiện nay của ông T2 và cùng thống nhất giao kỷ phần thừa kế mà ông T2 được nhận cho bà Quan Lệ T tạm giữ. Áp dụng Án lệ số 06/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tạm giao kỷ phần thừa kế mà ông Quan Trọng T2 được nhận cho bà Quan Lệ T quản lý, bà Quan Lệ T có nghĩa vụ giao lại cho ông Quan Trọng T2 sau này.

[2.6] Về yêu cầu phản tố của bị đơn bà Quan Lệ T yêu cầu tuyên hủy Tờ di chúc của bà Lý M lập ngày 09/5/2002 tại Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh (Số A, Quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD):

[2.6.1] Về hình thức và nội dung của di chúc: Tờ Di chúc của bà Lý M được lập thành văn bản, được Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 09/5/2002, phù hợp quy định tại Điều 652 và Điều 653 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

Về nội dung: bà Lý M và chồng là ông Quan Quốc L3 là đồng sở hữu nhà đất số 206/4 Lạc Long Q, khi ông L3 chết không để lại di chúc thì bà M là một trong 10 đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L3. Vì vậy, bà M được quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của bà và kỷ phần thừa kế mà bà được nhận từ di sản của chồng là ông Quan Quốc L3. Đối chiếu nội dung Tờ di chúc của bà M, thể hiện ý chí của bà M là để lại tài sản của bà và phần mà bà được thừa kế từ ông Quan Quốc L3 trong căn nhà số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Quan Lệ N1 và ông Quan Trọng C. Như vậy, nội dung di chúc này phù hợp quy định tại Điều 656 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

Phía dưới di chúc, Công chứng viên Nguyễn Công T3 chứng nhận: Tờ di chúc được lập bởi bà Lý M, tại thời điểm công chứng, bà M có năng lực hành vi dân sự phù hợp quy định của pháp luật. Nội dung di chúc phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội. Người lập di chúc đã nghe công chứng viên đọc lại bản di chúc này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong di chúc và ký vào di chúc trước sự có mặt của Công chứng viên.

- Bà Lý M là người gốc H2, nên bà M có mời bà Lý Tô N3 và ông Lưu An L2 cùng làm chứng việc lập di chúc. Cả hai người làm chứng xác nhận vào di chúc nội dung: *"đã đọc lại nội dung di chúc và dịch sang tiếng Quảng cho bà Lý M nghe và hiểu rõ nội dung di chúc thể hiện đúng ý chí bà đã tuyên bố"*. Bà Lý M ký tên và lăn tay vào Tờ di chúc. Người làm chứng là bà Lý Tô N3 có bản tự khai, xác nhận thời điểm lập di chúc bà Lý M còn khỏe mạnh, minh mẫn. Sau khi bà M tuyên bố nội dung di chúc, Công chứng viên đã đánh máy lại. Sau đó bà đã đọc lại nội dung tờ di chúc được đánh máy và dịch sang tiếng Quảng cho bà Lý M nghe. Bà M đã nghe, hiểu rõ nội dung và xác nhận di chúc đã ghi đúng ý chí, ý nguyện của bà rồi mới ký tên, lăn tay vào di chúc.

Để lập di chúc, bà Lý M có cung cấp cho Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh "Phiếu khám sức khỏe" của bà M do Trung tâm Y tế Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/3/2001, theo đó văn bản này đã kết luận: Bà M sức khỏe bình thường, tinh thần còn minh mẫn.

Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản trình bày: Tại thời điểm công chứng, căn cứ vào các giấy tờ mà người yêu cầu công chứng đã xuất trình là đầy đủ và phù hợp quy định của Nghị định 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan; yêu cầu công chứng của các bên không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, Công chứng viên đã tiếp nhận hồ sơ và thực hiện công chứng văn bản nêu trên theo đúng trình tự, thủ tục.

Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở xác định nội dung di chúc của bà Lý M đã phản ánh đúng ý chí và nguyện vọng của bà Lý M, là để lại tài sản thuộc sở hữu của bà và phần bà được hưởng thừa kế từ chồng là ông Quan Quốc L3 tại nhà đất số B L cho hai con là bà N1 và ông C. Nội dung di chúc đã được dịch sang tiếng Quảng Đông cho bà Lý M nghe, bà Lý M xác nhận đã ghi nhận đúng ý chí của bà trước khi ký tên, lăn tay vào di chúc. Tại thời điểm lập di chúc, bà Lý M hoàn toàn minh mẫn và khỏe mạnh, không bị ai lừa dối hay ép buộc gì.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và bà Quan Lệ H cũng không yêu cầu giám định chữ ký của bà M trong Tờ di chúc, tại phiên tòa các đương sự này cũng không cung cấp được các mẫu chữ ký của bà Lý M trong các văn bản có xác nhận của cơ quan chức năng làm mẫu so sánh khi giám định. Hơn nữa, bị đơn và bà H cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh chữ ký trong Tờ di chúc ngày 09/5/2002 không phải của bà M. Mặt khác, tờ Di chúc của bà Lý M đã được hai người làm chứng là bà Lý Tô N3 và ông Lưu An L2, xác nhận đã đọc lại nội dung di chúc và dịch sang tiếng Quảng Đông cho bà Lý M nghe và hiểu rõ nội dung, di chúc thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của bà M, sau đó, Công chứng viên đã đánh máy lại, bà N3 đã đọc lại nội dung tờ di chúc được đánh máy và dịch sang tiếng Quảng cho bà Lý M nghe, bà M đã nghe, hiểu rõ nội dung và xác nhận di chúc đã ghi đúng ý chí, ý nguyện của bà rồi mới ký tên, lăn tay vào di chúc. Vì vậy, phía bị đơn cho rằng lời chứng của người làm chứng và công chứng viên có sự mâu thuẫn nhau, là không có cơ sở.

[2.6.2] Di sản của bà Lý M gồm: 45% giá trị nhà đất + 4,5% giá trị nhà đất được hưởng từ di sản của ông Quan Quốc L3 + 0,643% giá trị nhà đất được nhận từ kỷ phần thừa kế của ông Quan Trọng C1 = 50,143% giá trị nhà đất số B L. Di sản này của bà Lý M được chia thừa kế theo di chúc cho hai người là ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1, mỗi người được nhận 25,0715% giá trị nhà đất.

Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản của bà Lý M theo di chúc; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Quan Lệ T, về việc yêu cầu tuyên hủy Tờ di chúc của bà Lý M lập ngày 09/5/2002 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.7] Kỷ phần thừa kế mà những người thừa kế được nhận.

[2.7.1] Bà Quan Lệ T và bà Quan Lệ H, mỗi người được nhận: 5% giá trị nhà đất là công sức đóng góp gìn giữ, làm tăng giá trị tài sản + 4,5% giá trị nhà đất được hưởng thừa kế theo pháp luật từ di sản của ông Quan Quốc L3 + 0,643% giá trị nhà đất được hưởng thừa kế theo pháp luật từ kỷ phần thừa kế của bà Quan N, tổng cộng là 10,143% giá trị nhà đất tranh chấp.

[2.7.2] Bà Quan Lệ B, ông Quan L5 T1 và ông Quan Trọng T2, mỗi người được nhận: 4,5% giá trị nhà đất được hưởng thừa kế theo pháp luật từ di sản của ông Quan Quốc L3 + 0,643 % giá trị nhà đất được hưởng thừa kế theo pháp luật từ kỷ phần thừa kế của bà Quan N, tổng cộng là 5,143% giá trị nhà đất tranh chấp.

Giao kỷ phần thừa kế của ông Quan Trọng T2 cho bà Quan Lệ T quản lý, bà Quan Lệ T có nghĩa vụ giao lại cho ông Quan Trọng T2.

[2.7.3] Các đồng thừa kế của ông Quan Trọng C1 gồm 07 người là các ông, bà: L, Hồ N, Hồ N, Hồng Mỹ L1, Hồng Mỹ P, Hồng Chí K và Lý Chí D cùng được nhận 4,5% giá trị nhà đất được hưởng thừa kế theo pháp luật từ di sản của ông Quan Quốc

L3; mỗi người nhận 0,643% giá trị nhà đất tranh chấp. Kỷ phần thừa kế mà bà Lý M được nhận giải quyết theo di chúc ngày 09/5/2002 của bà Lý M.

[2.7.4] Ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1, mỗi người được nhận: 4,5% giá trị nhà đất được hưởng thừa kế theo pháp luật từ di sản của ông Quan Quốc L3 + 25,0715% giá trị nhà đất được hưởng thừa kế theo di chúc của bà Lý M + 0,643 % giá trị nhà đất được hưởng thừa kế theo pháp luật từ kỷ phần thừa kế của bà Quan N, tổng cộng là 30,2145% giá trị nhà đất tranh chấp.

[2.8] Xét yêu cầu xin nhận thừa kế bằng hiện vật của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Quan Lệ T sinh sống ổn định tại nhà đất số B L từ trước cho đến nay, nhà đất này là chỗ ở duy nhất của của bị đơn. Nguyên đơn và những người thừa kế khác đều có nơi ở ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao nhà đất tranh chấp cho bà Quan Lệ T sở hữu, bà T có trách nhiệm hoàn trả lại kỷ phần thừa kế bằng giá trị cho những người thừa kế khác theo kỷ phần phân chia nêu tại tiểu mục [2.7] nói trên.

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất giá trị nhà đất là 4.420.000.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá số 101022/CT-TNV ngày 03/10/2022 của Công ty Cổ phần Đ1, không yêu cầu thẩm định giá lại, không yêu cầu định giá. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ giá trị nhà đất theo Chứng thư thẩm định giá này để giải quyết vụ án là có cơ sở. Số tiền mà bà Quan Lệ T phải hoàn trả cho những người thừa kế cụ thể như sau:

- Bà Hồng Lỳ S, bà Hồng Mỹ Y, bà Hồng Mỹ L1, bà Hồng Mỹ P, ông Hồng Chí K và anh Lý Chí D mỗi người được nhận số tiền 28.420.600 đồng.

- Ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1, mỗi người được nhận số tiền 1.335.480.900 đồng.

- Bà Quan Lệ H được nhận số tiền 448.320.600 đồng.

- Bà Quan Lệ B, ông Quan L5 T1 và ông Quan Trọng T2 mỗi người được nhận số tiền 227.320.600 đồng.

Giao kỷ phần thừa kế của ông Quan Trọng T2 cho bà Quan Lệ T quản lý, bà Quan Lệ T có nghĩa vụ giao lại cho ông Quan Trọng T2 sau này.

Tuy nhiên, để bà Quan Lệ T có thời gian thi hành án, đồng thời để đảm bảo cho bản án được thi hành, Hội đồng xét xử thấy cần thiết cho bà Quan Lệ T thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực, để bà Quan Lệ T hoàn trả kỷ phần thừa kế bằng giá trị cho các đồng thừa kế khác. Sau khi hoàn trả xong kỷ phần thừa kế bằng giá trị cho các đồng thừa kế trong thời hạn nói trên, thì bà Quan Lệ T được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất tranh chấp theo quy định.

Nếu hết thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực, mà bà Quan Lệ T không trả hoặc trả không đầy đủ kỷ phần thừa kế bằng giá trị cho các đồng thừa kế khác như nêu trên, thì các đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, để thi hành án. Số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản, sau khi trừ các chi phí liên quan đến việc thi hành án, sẽ được chia cho những người thừa kế theo kỷ phần mà họ được nhận nêu tại tiểu mục [2.7] nói trên. Bà Quan Lệ T, bà Quan Lệ H, bà Quan Lệ N1, cháu Thái Hạnh N2 (sinh năm 2012, có bà Quan Lệ H đại diện theo pháp luật) và những người cư trú tại nhà đất nói trên tại thời điểm thi hành án, có nghĩa vụ giao nhà đất này

cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, để thi hành án theo quy định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Quan Lệ T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Lệ H phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Quan Lệ T là người cao tuổi, có đơn yêu cầu được miễn nộp án phí, nên được miễn án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Quan Lệ T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Lệ H kháng cáo nhưng không cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ gì mới làm thay đổi bản chất vụ án, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm có sai sót lỗi chính tả về tên đương sự Quan Trọng T4 nên Hội đồng xét xử chỉnh lại tên đương sự Quan Lễ T4 cho đúng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Án lệ số 05/2016/AL và Án lệ số 06/2016/AL cùng ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Quan Lệ T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Lệ H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 677/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quan Trọng C, về việc chia di sản thừa kế của ông Quan Quốc L3 theo pháp luật chia di sản thừa kế của bà Lý M theo di chúc.

1.1/. Xác định nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có hiện trạng theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất cùng do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập và phát hành ngày 03/6/2022), là tài sản chung của ông Quan Quốc L3 và bà Lý M. Giá trị nhà đất là 4.420.000.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá số 101022/CT-TNV ngày 03/10/2022 của Công ty Cổ phần Đ1.

1.2/. Bà Quan Lệ T và bà Quan Lệ H được nhận kỷ phần thừa kế tương đương 10% giá trị nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (mỗi người được nhận 5%), đối với công sức đóng góp trong việc quản lý, tôn tạo và làm tăng giá trị di sản thừa kế.

1.3/. Xác định 90% giá trị nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh còn lại, là di sản thừa kế của ông Quan Quốc L3 và bà Lý M (mỗi người sở hữu 45% giá trị nhà, đất).

1.3.1/. Di sản của ông Quan Quốc L3 được chia thừa kế theo pháp luật cho 10 người thừa kế, gồm: Bà Lý M, ông Quan Lễ T1, Quan Nữ (*chết ngày 29/7/2022, có các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai là các ông, bà: Quan Lễ T1, Quan Lệ T, Quan Trọng T2, Quan Lệ B, Quan Lệ H, Quan Trọng C, Quan Lệ N1 được nhận*), ông Quan Trọng C1 (*chết ngày 03/3/2009, có các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà Lý M, bà Hồng Lỳ S (vợ) và 05 người con ruột là các ông, bà Hồng Mỹ Y, Hồng Mỹ L1, Hồng Mỹ P, Hồng Chí K, anh Lý Chí D nhận*), bà Quan Lệ T, ông Quan Trọng T2, bà Quan Lệ B, bà Quan Lệ H, ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1; Mỗi người thừa kế được nhận 4,5% giá trị nhà, đất nói trên. Kỷ phần thừa kế mà bà Lý M được nhận giải quyết theo di chúc ngày 09/5/2002 của bà Lý M.

1.3.2/. Di sản của bà Lý M là 50,143% giá trị nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (45% giá trị nhà đất + 4,5% giá trị nhà đất được hưởng từ di sản của ông Quan Quốc L3 + 0,643% giá trị nhà đất được nhận từ kỷ phần thừa kế của ông Quan Trọng C1). Di sản này của bà Lý M được chia thừa kế theo Tờ di chúc của bà Lý M lập ngày 09/5/2002 tại Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh (số A, quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD); Người được nhận di sản của bà Lý M là ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1, mỗi người được nhận 25,0715% giá trị nhà đất.

1.4/. Kỷ phần thừa kế mà những người thừa kế được nhận như sau:

1.4.1/. Bà Hồng Lỳ S, bà Hồng Mỹ Y, bà Hồng Mỹ L1, bà Hồng Mỹ P, ông Hồng Chí K và anh Lý Chí D mỗi người được nhận 0,643% giá trị nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4.2/. Ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1, mỗi người được nhận 30,2145% giá trị nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4.3/. Bà Quan Lệ T và bà Quan Lệ H, mỗi người được nhận 10,143% giá trị nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4.4/. Bà Quan Lệ B, ông Quan Lễ T1 và ông Quan Trọng T2 mỗi người được nhận 5,143% giá trị nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5/. Giao nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có hiện trạng theo Bản đồ hiện trạng vị trí và Bản vẽ sơ đồ nhà đất cùng do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập và phát hành ngày 03/6/2022) cho bà Quan Lệ T được quyền sở hữu. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực, bà Quan Lệ T có nghĩa vụ hoàn trả cho những người thừa kế kỷ phần mà họ được nhận, cụ thể:

1.5.1/. Bà Hồng Lỳ S, bà Hồng Mỹ Y, bà Hồng Mỹ L1, bà Hồng Mỹ P, ông Hồng Chí K và anh Lý Chí D mỗi người được nhận số tiền 28.420.600 (hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm) đồng.

1.5.2/. Ông Quan Trọng C và bà Quan Lệ N1, mỗi người được nhận số tiền 1.335.480.900 (một tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn chín trăm) đồng.

1.5.3/. Bà Quan Lệ H được nhận số tiền 448.320.600 (bốn trăm bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm) đồng.

1.5.4/. Bà Quan Lệ B, ông Quan Lễ T1 và ông Quan Trọng T2 mỗi người được nhận số tiền 227.320.600 (hai trăm hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm) đồng.

Giao kỷ phần thừa kế của ông Quan Trọng T2 cho bà Quan Lệ T quản lý, bà Quan Lệ T có nghĩa vụ giao lại cho ông Quan Trọng T2 sau này.

Sau khi hoàn trả xong kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế trong thời hạn nói trên, bà Quan Lệ T được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất theo quy định.

Nếu hết thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực, mà bà Quan Lệ T không trả hoặc trả không đầy đủ kỷ phần thừa kế bằng giá trị cho những người thừa kế khác nói trên, thì các đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, phát mãi nhà đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, để thi hành án. Số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản, sau khi trừ các chi phí liên quan đến việc thi hành án, sẽ được chia cho những người thừa kế theo kỷ phần mà họ được nhận nêu tại tiểu mục [1.4] nói trên. Bà Quan Lệ T, bà Quan Lệ H, bà Quan Lệ N1, cháu Thái Hạnh N2 (sinh năm 2012, có bà Quan Lệ H đại diện theo pháp luật) và những người cư trú tại nhà đất nói trên tại thời điểm thi hành án, có nghĩa vụ giao nhà đất này cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, để thi hành án theo quy định của pháp luật.

2/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quan Trọng C, về việc xin nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là nhà, đất số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và hoàn trả bằng giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế khác.

3/. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Quan Lệ T (bị đơn), về việc yêu cầu tuyên hủy Tờ di chúc của bà Lý M lập ngày 09/5/2002 tại Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh (Số A, Quyển số 05/TP/CC-SCC/HĐGD).

4/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

5/. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Quan Lệ T được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Lệ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041626 ngày 22/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu (Án - Trúc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đắc Minh